ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔI NHÀ THÔNG THÁI**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔI NHÀ THÔNG THÁI**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
|  | Nguyễn Thị Hải Thoại | Hiệu trưởng | Chủ tịch  Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Thanh Nga | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
|  | Phó Ánh Ngọc | Tổ trưởng  khối văn phòng | Thư ký  Hội đồng |  |
|  | Hoàng Thị Kim Anh | Tổ trưởng khối 1 | Ủy viên  Hội đồng |  |
|  | Trần Thị Hồng Vân | Tổ trưởng khối 3 | Ủy viên  Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Thùy Hương | Tổ trưởng khối 4 | Ủy viên  Hội đồng |  |
| 1. Đ | Lưu Thị Bích Ngọc | Đại diện Hội đồng quản trị | Uỷ viên  Hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| **Phần I.** **CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 5 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 10 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 10 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 20 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 24 |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học | 29 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 31 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 34 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 36 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 38 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 40 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 44 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 45 |
| Mở đầu | 45 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 46 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 48 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 52 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 54 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 56 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 57 |
| Mở đầu | 57 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập | 58 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học | 60 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị | 62 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 65 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 67 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 70 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | 73 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 74 |
| Mở đầu | 74 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 74 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 76 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | 80 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** | 81 |
| Mở đầu | 81 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường | 81 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 83 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác | 86 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học | 88 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục | 90 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | 93 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 94 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | 95 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **M3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.3 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x |  |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x |  |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  | x | x |  |

**Kết quả:** Không đạt.

**2. Kết luận: Trường không đạt kiểm định chất lượng giáo dục.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái

Tên trước đây: Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Thi Hải Thoại |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Bình Thạnh | Điện thoại | (028) 5129336 |
| Xã/phường/thị trấn | 12 | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không | Website | Không |
| Năm thành lập | 2007 | Số điểm trường | 01 điểm chính |
| Công lập | Không |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | X | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Khối lớp 1 | 02 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Khối lớp 2 | 01 | 02 | 01 | 01 | 01 |
| Khối lớp 3 | 01 | 01 | 02 | 01 | 01 |
| Khối lớp 4 | 01 | 01 | 01 | 02 | 01 |
| Khối lớp 5 | 01 | 01 | 01 | 01 | 02 |
| **Cộng** | **06** | **06** | **06** | **06** | **06** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |
| 1 | Phòng học | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |
| a | Phòng kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng học bộ môn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 1 | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | Thư viện | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
|  | **Cộng** | **09** | **09** | **09** | **09** | **09** |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 08 năm 2023

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 01 | 00 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 01 | 00 |  |
| Giáo viên | 13 | 13 | 00 | 00 | 13 | 00 |  |
| Nhân viên | 05 | 04 | 00 | 00 | 05 | 00 |  |
| **Cộng** | **17** | **16** | **00** | **00** | **17** | **00** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số giáo viên | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| v1 | Tổng số học sinh | 87 | 78 | 64 | 67 | 68 |
| *- Nữ* | 46 | 38 | 26 | 26 | 31 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Khối lớp 1* | 31 | 14 | 11 | 12 | 15 |
| *- Khối lớp 2* | 17 | 30 | 12 | 11 | 9 |
| *- Khối lớp 3* | 13 | 13 | 26 | 13 | 11 |
| *- Khối lớp 4* | 15 | 9 | 8 | 23 | 12 |
| *- Khối lớp 5* | 11 | 12 | 7 | 8 | 21 |
| 2 | Tổng số  tuyển mới | 31 | 14 | 11 | 12 | 15 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 87 | 78 | 64 | 67 | 68 |
| 4 | Bán trú | 87 | 78 | 64 | 67 | 68 |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 15 | 13 | 11 | 11 | 11 |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 84  96,5% | 77  98,7% | 62  96,8% | 64  95,5% | 63  95,5% |
| *- Nữ* | 45 | 38 | 26 | 26 | 31 |
| *- Dân tộc thiểu số* |  |  |  |  | 2 |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Lưu ban | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái được thành lập theo các quyết định sau:

* + Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc thành lập trường tiểu học Dân lập Ngôi Nhà Thông Thái tại số 242/2 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh.
  + Quyết định số 8802/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc cho phép trường tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái chuyển địa điểm hoạt động về địa chỉ 104A Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh.
  + Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái.

Kinh phí hoạt động của trường là tự cung tự cấp.

Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn 100%.

Năm học 2023-2024, trường có 05 lớp học 02 buổi/ngày.

Nhiều năm qua, được sự chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, các cấp chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh, học sinh, tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, góp phần đổi mới sự nghiệp giáo dục của đất nước và quận nhà.

Trường có Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động sôi nổi. Các phong trào thi đua dạy tốt-học tốt được đội ngũ giáo viên và học sinh tích cực hưởng ứng. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, các hoạt động đi vào chiều sâu, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Nhà trường hướng tới mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Tạo mọi điều kiện học tập thuận lợi nhằm giúp học sinh hoàn thành cấp tiểu học, đảm bảo duy trì sĩ số, không có hiện tượng bỏ học. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện để trẻ em thích đi học, thích học để mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Giáo dục học sinh tính sáng tạo, khả năng thích ứng và đạo đức chân chính. Tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 136/QĐ-NNTT ngày 14 tháng 08 năm 2023 của trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự

đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ trong 16 tuần như sau:

| **Thời gian** | **Hoạt động** |
| --- | --- |
| **Tuần 1**  (14/08/2023– 18/08/2023) | 1. Họp Hội đồng nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá.  2. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá  3. Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá;  - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;  - Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.  4. Phổ biến kế hoạch tự đánh giá nhà trường đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên có liên quan. |
|  |  |
| **Tuần 2**  (21/08/2023 – 25/08/2023) | 1. Tổ chức hội nghị tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.  2. Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.  3. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. |
| **Tuần 3-5**  (28/08/2023 -15/09/2023) | 1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.  2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.  3. Lập bảng danh mục mã minh chứng.  4. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí. |
| **Tuần 6, 7**  (18/09/2023– 29/9/2023) | Các nhóm chuyên trách, cá nhân tiếp tục viết các phiếu đánh giá tiêu chí. |
| **Tuần 8, 9**  (02/10/2023 -13/10/2023) | 1. Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá;  - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và với Hội đồng Tự đánh giá;  - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4, có chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng;  - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung;  2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá. |
| **Tuần 10**  (16/10/2023 – 20/10/2023) | Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan;  - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. |
| **Tuần 11, 12**  (23/10/2023 – 03/11/2023) | - Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung;  - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường;  - Thu thập các ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo tự đánh giá;  - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp;  - Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng. |
| **Tuần 13, 14**  (06/11/2023 – 17/11/2023) | - Các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá kí tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng kí tên, đóng dấu và ban hành;  - Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp;  - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường;  - Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định. |
| **Tuần 15, 16**  (20/11/2023 – 01/12/2023) | 1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.  2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo. |

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Trường thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.

Năm học 2023-2024, trường có 05 lớp học. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 11 học sinh. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nền nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ năm 2007 đến nay, trường đã xây dựng chiến lược phát triển ở bốn giai đoạn: giai đoạn 2007-2010, giai đoạn 2010-2015, giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2021-2026. Chiến lược phát triển ở bốn giai đoạn được xây dựng trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ cơ quan quản lí cấp trên như: Luật Giáo dục, và căn cứ tình hình thực tế tại trường. Chiến lược phát triển nhà trường nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục ở bậc tiểu học, đảm bảo việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, duy trì ổn định và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao uy tín của nhà trường trong việc đáp ứng yêu cầu của ngành, của xã hội và xu thế hội nhập của đất nước, thực hiện sứ mệnh của nhà trường: “Xây dựng Nhà trường là một trường học có môi trường thân thiện, giúp học sinh học sinh tự tin, tích cực, năng động trong học tập, có ý thức tốt với cộng đồng, xã hội; tự tin giao tiếp với người nước ngoài”

Chiến lược phát triển nhà trường đã được Hiệu trưởng trao đổi ở các buổi họp phụ huynh của trường.

Mức 2:

Trường đã đề ra biện pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển nhà trường như xem xét lại, quan sát lại, ghi lại những việc đã thực hiện so với các kế hoạch đã xây dựng và triển khai của phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, liên đội, giáo viên, nhân viên theo từng học kì và năm học, từ đó đánh giá điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu, thiếu sót cần cải thiện theo đúng mục tiêu phát triển của nhà trường .

Mức 3:

Trường có thực hiện kiểm tra, xem xét, quan sát, rút kinh nghiệm vào cuối học kì, cuối năm học để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có cơ sở thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng .

**2. Điểm mạnh**

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

- Chiến lược phát triển nhà trường chưa được Phòng giáo dục duyệt, đó chỉ là chiến lược do Hội đồng quản trị của trường xây dựng nên để phát triển nhà trường, để giới thiệu quan điểm, mục tiêu xây dựng trường đến với xã hội.

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược chưa được thực hiện liên tục.

- Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường | Hiệu trưởng |  | Tháng 7 năm 2023 | Không |
| Xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Chiến lược phát triển. | Hiệu trưởng | Được Hội đồng trường thông qua | Trong các cuộc họp của Hội đồng trường đầu tháng | Không |
| Phân công nhiệm vụ cho nhân viên văn thư công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử Chiến lược phát triển nhà trường để tranh thủ sự tham gia, đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh và cộng đồng. | Hiệu trưởng | Không | Trong các buổi họp, thảo luận, gặp mặt trong năm học 2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường gồm có 06 thành viên. Hội đồng tư vấn do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm hiệu trưởng, và phó hiệu trưởng.

b) Hội đồng trường và các hội đồng trong các năm học qua đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường như: quyết nghị về tổ chức, nhân sự của trường theo quy định, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các hoạt động,. Hội đồng tư vấn tâm lý đã làm tốt công tác phối hợp, phát hiện học sinh có vấn đề tâm lý, chủ động tư vấn và hướng dẫn, giải quyết có hiệu quả.

c) Hội đồng trường họp thường kì ít nhất ba lần trong một năm đúng quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Điều lệ trường tiểu học. Tuy nhiên việc rà soát, đánh giá chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm. Nội dung các buổi họp nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, bàn bạc và thống nhất các nhiệm vụ sắp tới. Các thành viên trong Hội đồng trường đã tích cực đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 2:

- Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu chiến lược của nhà trường, về kế hoạch năm học và hoạt động của nhà trường. Hội đồng tư vấn đã tham vấn cho phụ huynh về những học sinh gặp khó khăn trong giao tiếp, tư vấn cho học sinh về kĩ năng, phương pháp học tập hiệu quả…

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quy chế dân chủ nên đã góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Hội đồng do trường tự lập nên. Hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá hằng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tăng cường công tác đối thoại, trao đổi, thu thập ý kiến đóng góp từ các thành viên của hội đồng. | Các thành viên trong hội đồng | Không | Tháng  9/2023 | Không |
| Thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản đánh giá cuối năm | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Không | Tháng 6/2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ***

***chức khác trong nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 19 đội viên.

- Cơ cấu tổ chức của nhà trường đủ, hoạt động hiệu quả, phát huy được sức mạnh của từng thành viên và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục.

b) Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản có sự hướng dẫn của phụ trách Đội.

c) Hằng năm, các hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá thông qua việc Hiệu trưởng lập kế hoạch rà soát, đánh giá. Căn cứ vào kế hoạch, các bộ phận đã xem xét kết quả thực hiện các hoạt động so với mục tiêu đề ra, từ đó tìm nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác lập kế hoạch tiếp theo.

Trường có thành lập Chi đoàn Ngoài nhà nước. Trong năm vừa qua, chi Đoàn đã phụ giúp rất nhiều cho công tác chung của trường.

Mức 2:

Chi đội trường cũng đã tổ chức nhiều hoạt động bổ ích cho học sinh như ngày Hội An toàn giao thông, ngày Hội Thiếu nhi vui khỏe, ngày Hội Tiếng Anh, ngày Hội Em yêu thiên nhiên, sinh hoạt kĩ năng giải mật thư, chơi trò chơi lớn… Thông qua các hoạt động, Chi đội trường đã trang bị cho học sinh những kiến thức bổ ích, cung cấp cho học sinh kĩ năng sống, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giúp học sinh phát triển toàn diện, góp phần cùng với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục .

**2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức của nhà trường đủ, hoạt động hiệu quả, phát huy được sức mạnh của từng thành viên và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Số lượng đội viên hiện nay còn ít nên đôi lúc gặp khó khăn khi hoạt động các phong trào.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Trao đổi với cán bộ quản lý để quan tâm, động viên cho giáo viên, nhân viên có năng lực, năng nổ, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động. | Hiệu trưởng | Có sự nhất trí của cán bộ quản lý | Trong năm học | Không |
| Chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng giáo viên tổ chức những hoạt động phù hợp với tình hình thực tế. | Hiệu trưởng |  | Tháng 9/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông thì trường đã đủ nhân sự .

b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 và tổ văn phòng đảm bảo cơ cấu quy định theo Khoản 1, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học. Mỗi tổ có tổ trưởng.

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần. Các tổ sinh hoạt định kỳ 4 tuần/lần. Các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp và thể hiện ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong công việc.

- Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học gồm: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục ; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường ; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm, tháng, tuần, nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

- Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định nhưng nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa đi sâu vào giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học .

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch của trường và kế hoạch của tổ chuyên môn, trường tổ chức ít nhất 01 chuyên đề cấp trường và mỗi tổ đều có ít nhất 01 chuyên đề cấp tổ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Chuyên đề cấp trường | Chuyên đề cấp tổ |
| 2018-2019 | Nâng cao chất lượng phân môn Luyện từ và câu trong Tiếng Việt. | - Giúp học sinh chọn phép tính đúng trong dạy học Toán có lời văn.  - Quản lý lớp học tích cực thông qua dạy học môn tự nhiên xã hội. |
| 2019-2020 | Rèn kĩ năng hợp tác đoàn kết cho học sinh. | - Nâng cao chất lượng dạy và học luyện từ và câu lớp 4,5.  - Nâng cao chất lượng dạy và học Tập đọc lớp 3. |
| 2020-2021 | Dạy học toán theo hướng phát triển năng lực học sinh. | - Dạy học Toán 1  - Dạy học Tiếng Việt 1  - Rèn kĩ năng sống cho học sinh bán trú |
| 2021-2022 | Dạy kĩ năng sống cho học sinh tiểu học | - Dạy học Toán 2  - Dạy học Tiếng Việt 2  - Dạy học Đạo đức 2 |
| 2022-2023 | Dạy học Tiếng Việt 3 | - Dạy học Toán 3  - Dạy học TNXH 3 |

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều thực hiện tốt việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn trong từng tháng, từng đợt kiểm tra, từng học kì nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của trường. Từ đó, các tổ đã có đóng góp tích cực cho hoạt động của trường.

Mức 3:

a) Từ việc kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung sinh hoạt, tổ chuyên môn đã có những hoạt động chất lượng như tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học đạt hiệu quả, giúp giáo viên nhận thức đúng đắn và đầy đủ về phương pháp dạy học tích cực, rèn luyện cho giáo viên về kĩ năng sư phạm. Hoạt động của tổ văn phòng đã giúp nhà trường tổng hợp các số liệu và báo cáo kịp thời, tham mưu với Hiệu trưởng trong việc sử dụng kinh phí mua sắm, cải tạo cơ sở vật chất của nhà trường, đáp ứng yêu cầu dạy và học theo hướng đổi mới, tránh lãng phí, bảo quản tốt tài sản, đảm bảo tốt vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức định kì, liên tục nhưng nội dung sinh hoạt chuyên đề chưa phong phú, chưa bám sát tình hình thực tế của nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định. Các

tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động tích cực, sáng tạo và có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt chuyên đề chưa phong phú, chưa bám sát tình hình thực tế của nhà trường

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục phân công nhiệm vụ cho phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ | Hiệu trưởng | Không | Định kì hằng tháng | Không |
| Duy trì đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn | Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn | Không | Trong các buổi sinh hoạt | Không |
| Tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng xếp thời khoá biểu, phân công nhiệm vụ thuận lợi để tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ, tham gia các hoạt động | Hiệu trưởng | Không | Trong các cuộc họp giao ban | Không |
| Tiếp tục hướng dẫn và định hướng nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tháng cho các tổ. | Phó hiệu trưởng | Được Phòng giáo dục quận Bình Thạnh thông qua | Trong buổi họp chuyên môn | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

*Mức 1:*

*a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

*Mức 2:*

*a) Trường có không quá 05 (năm) lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định (không quá 20 học sinh/ lớp);*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Toàn trường có 05 lớp với tổng số học sinh là 54 em từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo quy định.

b) Mỗi lớp học đều có 01 lớp trưởng và 01 lớp phó; lớp được chia thành 2 tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó.

c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi 4 lần/năm học thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao.

Mức 2:

a) Năm học 2023-2024, trường có 05 lớp. Khối 1: 01 lớp. Khối 2: 01 lớp, khối 3: 01 lớp, khối 4: 01 lớp, khối 5: 01 lớp.

b) Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 11 học sinh, sĩ số học sinh trong lớp không vượt quá quy định theo Điều lệ trường tiểu học.

c) Trường phân bổ số học sinh các lớp tương đối đồng đều nhau. Giáo viên luôn có những hình thức tổ chức lớp học theo nhóm, cá thể, tập thể linh hoạt và phù hợp theo tình hình thực tế lớp.

**2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Do dịch bệnh Covid-19 nên sĩ số học sinh của trường sụt giảm nhiều so với các năm học trước, điều này cũng ảnh hưởng đến việc tổ chức lớp học hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Trường làm tốt công tác tuyển sinh, đặc biết là tuyển sinh trực tuyến. | Hiệu trưởng | Không | Tháng  6/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: Sổ đăng bộ , học bạ của học sinh , sổ quản lý tài sản ,sổ công văn đến , sổ công văn đi. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.

b) Nhà trường thực hiện đúng việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất đúng theo quy định;

c) Nhà trường thực hiện việc quản lý, tu bổ, mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sử dụng phần mềm máy tính trong quản lí nhân sự, quản lí học sinh, quản lí tài sản, sử dụng tin nhắn điện tử trong việc triển khai văn bản đến giáo viên. Các dữ liệu được lưu trữ trên máy tính, trang thông tin điện tử của trường được chú ý cập nhật thường xuyên.

b) Từ năm học 2021-2022 đến nay, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 3:

Hàng năm đều thực hiện thay đổi phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiêm túc nhìn nhận những điểm chưa đạt để khắc phục trong năm học kế tiếp nhằm tạo thêm niềm tin cho phụ huynh và hoàn thành công tác tuyển sinh cho năm học mới.

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường thực hiện việc quản lý hồ sơ và tài sản tốt.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa hoàn thiện trang thông tin điện tử nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục triển khai và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, trong giảng dạy. | Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, dự giờ, thao giảng. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng theo kế hoạch góp phần nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ từ đó nâng cao dần chất lượng giáo dục nhà trường.

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. Việc phân công được công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm. Nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân, nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo đúng quy định. Giáo viên được nhà trường tạo điều kiện về trường, lớp, sách giáo khoa và đồ dùng dạy học tối thiểu để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ bảo hiểm y tế; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo quy chế dân chủ tại cơ sở và quy chế đối thoại với người lao động.

Mức 2:

Cán bộ quản lý có kế hoạch dự giờ, thăm lớp giáo viên nhằm hỗ trợ chuyên môn kịp thời cũng như chia sẻ kinh nghiệm, phát huy tối đa năng lực của giáo viên, nhân viên, đặc biệt là các giáo viên trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên còn gặp khó khăn trong việc sắp xếp thời gian và kinh phí khi tham gia các khóa học nghiệp vụ nâng cao để đạt kết quả tốt nhất.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên còn gặp khó khăn trong việc sắp xếp thời gian và kinh phí khi tham gia các khóa học nghiệp vụ nâng cao để đạt kết quả tốt nhất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên | Hiệu trưởng | Không | Tháng 9/2023 | Không |
| Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ. | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên |  | Tháng 10/2023 |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ của ngành, tình hình thực tế của địa phương và tình hình học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thông qua . Kế hoạch tuần, tháng và học kì được xây dựng dựa trên kế hoạch năm học và có chủ đề riêng cho từng tháng, từng tuần.

b) Căn cứ trên kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt, trường triển khai tổ chức thực hiện các nội dung, chú ý đến việc phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho từng bộ phận, cá nhân và thực hiện tốt việc quản lí các hoạt động giáo dục. Các nội dung trong kế hoạch giáo dục được đảm bảo thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá, cán bộ quản lý chú trọng đẩy mạnh việc kiểm tra trên tinh thần tư vấn, thúc đẩy để đội ngũ giáo viên kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Tuy nhiên, việc điều chỉnh, bổ sung nội dung kế hoạch giáo dục đôi lúc chưa kịp thời và chưa thể hiện rõ trong các báo cáo.

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra một số biện pháp nhằm phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên như quán triệt nhận thức tư tưởng chính trị, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự học và rèn luyện, lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức các buổi chuyên đề, thao giảng, các phong trào thi đua, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tập thể đoàn kết, thực hiện tốt công tác tham mưu…

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch.

**3. Điểm yếu**

Việc điều chỉnh, bổ sung nội dung kế hoạch giáo dục đôi lúc chưa kịp thời và chưa thể hiện rõ trong các báo cáo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tế tại trường. | Hiệu trưởng | Phối hợp với các tổ chuyên môn | Tháng 8/2023 | Không |
| Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ trường. | Hiệu trưởng | Phối hợp với các tổ chuyên môn | Theo kế hoạch, hoạt động | Không |
| Thực hiện tốt và thường xuyên hơn nữa việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để kịp thời điều chỉnh; đồng thời, thể hiện rõ nội dung điều chỉnh trong văn bản. | Hiệu trưởng | Phối hợp với các tổ chuyên môn | Từ học kì I năm học 2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho mọi cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung .

b) Trong các năm học qua, mọi kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường như đề xuất mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, điều chỉnh thang điểm thi đua của phong trào Đội, việc phân công nhân sự đầu năm học… đều được giải quyết đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường.

c) Thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở, các kế hoạch đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất. Hằng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong buổi họp Hội đồng Sư Phạm.

Mức 2:

Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường đã đề ra và thực hiện các biện pháp giám sát như thường xuyên kiểm tra, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả nội dung đều được đưa ra Hội đồng sư phạm trường để thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Còn một số cá nhân còn e dè, chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của chính quyền địa phương về quy chế dân chủ đến cán bộ, giáo viên, nhân viên | Hiệu trưởng | Không | Trong các cuộc họp | Không |
| Tiếp tục thực hiện đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục hoàn thiện quy chế dân chủ cơ sở. | Hội đồng sư phạm trường | Được tập thể thông qua | Trong các cuộc họp | Không |
| Tạo điều kiện, khuyến khích, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến thông qua hình thức góp ý trực tiếp hoặc tiếp nhận đơn. | Cán bộ quản lý | Phối hợp với các bộ phận | Trong các cuộc họp | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; trường hợp đồng với cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm . Nhà trường không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt ở cổng trường, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý đến cha mẹ học sinh, công khai lịch tiếp công dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân. Nhà trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường.

c)Thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường.

Mức 2:

a) Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về những vấn đề như đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường bằng các hình thức diễn tập, tập huấn, truyền thông.

b) Cán bộ quản lý trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường về những vấn đề có liên quan đến an ninh trật tự và bạo lực học đường để từ đó nhắc nhở học sinh không mua quà trước cổng trường đầu giờ và giờ ra về, đưa vào nội dung thi đua hàng ngày, hàng tuần..

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm hoạ thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn tình trạng đậu xe trước cổng trường vào cuối giờ học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thông qua hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin về bạo lực học đường; tích cực nêu gương người tốt, việc tốt, đề cao sự gương mẫu của thầy giáo, cô giáo; xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp có hành vi bạo lực học đường. | Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh | Không | Trong năm học | Không |
| Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh,… trong trường | Cán bộ quản lý, cá nhân phụ trách | Không | Suốt năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

- Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

- Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định; thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện cho học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

- Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Nhà trường thực hiện việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản tốt;, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược chưa được thực hiện liên tục.

- Còn một số cá nhân chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp

- Vẫn còn tình trạng đậu xe trước cổng trường vào cuối giờ học.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 09/10

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 01/10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Hai cán bộ quản lý, cả hai đều đạt trình độ đại học sư phạm, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tín nhiệm; có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức, lối sống gương mẫu; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn. Giáo viên có tâm huyết với nghề, tay nghề chuyên môn ngày được nâng cao. Đội ngũ nhân viên đủ số lượng, được đào tạo, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đúng độ tuổi. Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của pháp luật.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

*Mức 1:*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có trình độ Đại học sư phạm, có thời gian giảng dạy 17 năm. Phó hiệu trưởng có trình độ đại học sư phạm, có thời gian giảng dạy 05 năm.

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được đánh giá tốt theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

Theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT Ban hành Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Năm học 2022-2023** |
| Hiệu trưởng | Tốt |
| Phó hiệu trưởng | Tốt |

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có chứng chỉ bồi dưỡng về quản lý giáo dục;

Mức 2:

a) Trong những năm học qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ .

b) Cán bộ quản lý nhà trường luôn tận tụy với công việc, luôn cầu thị, biết lắng nghe ý kiến đóng góp xây dựng tập thể, không ngừng học tập, phấn đấu, rèn luyện, sáng tạo nên nhận được sự tín nhiệm cao từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường luôn tận tụy với công việc, luôn cầu thị, biết lắng nghe ý kiến đóng góp xây dựng tập thể, không ngừng học tập, phấn đấu, rèn luyện, sáng tạo nên nhận được sự tín nhiệm cao từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục duy trì mức đánh giá tốt của Chuẩn hiệu trưởng tiểu học theo tinh thần Thông tư  14/2018/TT-BGDĐT | Cán bộ  quản lý | Nỗ lực hoàn  thành xuất sắc nhiệm vụ | Suốt năm  học | Không |
| Tham gia lớp bồi dưỡng  chính trị | Hiệu  trưởng | Sắp xếp thời  gian, công việc; kinh phí. Quận mở lớp. |  |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

*Mức 1:*

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt*

*trở lên.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiện tại, tổng số giáo viên của trường là 13 người gồm 5 giáo viên dạy nhiều môn trong đó 01 giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, 08 giáo viên bộ môn (01 giáo viên Thể dục, 01 giáo viên Tin học, 01 giáo viên mĩ thuật, 05 giáo viên tiếng Anh).

b) 100% giáo viên trong nhà trường đều đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trường có 13 giáo viên gồm 5 giáo viên chủ nhiệm lớp, 08 giáo viên bộ môn, trong đó:

+ Đại học: 13/13 – tỉ lệ 100%

Tuy nhiên trường chưa có giáo viên học tập nâng cao trình độ sau đại học.

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 13/13 giáo viên, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo luôn được duy trì ổn định và tăng dần trong những năm qua.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Trình độ | | |
| Đại học | Cao đẳng | Trung cấp |
| 2018-2019 | 13 | 0 | 0 |
| 2019-2020 | 14 | 0 | 0 |
| 2020-2021 | 14 | 0 | 0 |
| 2021-2022 | 14 | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 13 | 0 | 0 |

b) 100% giáo viên luôn được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên và 100% giáo viên đạt mức khá trở lên.

Theo Thông tư [20/2018/TT-BGDĐT](https://vndoc.com/thong-tu-20-2018-tt-bgddt/download) quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số giáo viên | Xếp loại | |
| Tốt - Tỉ lệ | Khá - Tỉ lệ |
| 2022-2023 | 13 | 2 – 14,2% | 11 – 85,8% |

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo là 100%.

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt mức tốt từ 14,2% trở lên.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tỷ lệ 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo.

**3. Điểm yếu**

- Trường còn hợp đồng với 01 giáo viên Tin học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục khuyến khích, động viên, tạo điều kiện giáo viên học lên Cao học. | Cán bộ  quản lý, giáo viên | Quận, Phòng Giáo dục và Đào tạo mở lớp. | Từ 2 đến 4 năm. |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: 01 y tế, 1 bảo vệ, 02 phục vụ, nhân viên văn thư kiêm quản lý trang thông tin điện tử và báo cáo điện tử, thủ quỹ; 01 giáo viên dạy nhiền môn kiêm Tổng phụ trách, giáo viên bộ môn kiêm thư viện – thiết bị.

b)Nhân viên được phân công đều phù hợp, hợp lý theo năng lực và bằng cấp chuyên môn. Tổ văn phòng có 05 người gồm: 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên phục vụ, 01 nhân viên bảo vệ.

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

Mức 2:

a) Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, số lượng nhân viên kế toán, văn thư định biên là 02 người. Như vậy, trường chưa đủ nhân sự còn thiếu nhân viên chuyên trách thư viện – thiết bị.

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỉ luật.

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên tuy được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn, kế toán có bằng cao đẳng kế toán, văn thư kiêm thủ quỹ có bằng trung cấp văn thư lưu trữ. Vẫn còn nhân viên trình độ chưa đảm bảo theo vị trí công việc như giáo viên kiêm thư viện-thiết bị chưa có bằng trung cấp thư viện.

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng do cấp trên tổ chức như: tập huấn nghiệp vụ thư viện, bảo vệ, y tế học đường.

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên thư viện chưa được tập huấn về công tác tổ chức thư viện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bố trí thời gian, hỗ trợ kinh phí cho nhân viên văn thư, thư viện. | Hiệu trưởng, văn thư, thư viện | Phối hợp với các bộ phận và lãnh đạo quận | Trong năm học, theo kế hoạch |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

*Mức 3:*

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường hiện có 54 học sinh. Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học (từ 6 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 06 tuổi; không có học sinh học sớm tuổi.

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh thực hiện tốt những hành vi học sinh không được làm theo Điều 41 và Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học.

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định như quyền trẻ em.

Mức 2:

Học sinh được chú ý giáo dục rèn luyện và hình thành năng lực phẩm chất. Nhà trường đề ra các biện pháp như thành lập đội sao đỏ, phong trào đôi bạn cùng tiến, các câu lạc bộ đội nhóm,… nhằm kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm của học sinh để đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp nên đã có nhiều chuyển biến hạn chế được số học sinh vi phạm kỉ luật nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm.

**3. Điểm yếu**

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào học tại trường | Cán bộ quản lý | Không | 8/2023 | Không |
| Nhấn mạnh nội dung công tác chủ nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm, chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh | Phó hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm | Không | Họp hội đồng hàng tháng | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**:

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Trường có đủ đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo quy định, 100% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Giáo viên được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ.

- Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Học sinh đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện tốt các hành vi học sinh không được làm.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Số lượng nhân viên chưa đảm bảo theo quy định.

- Nhân viên thư viện chưa đào tạo nghiệp vụ theo đúng chuyên ngành.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 04/04

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/04

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày. Trường có 02 khu vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên và phụ huynh học sinh; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định.

Hằng năm, trường có kế hoạch duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có; đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị. Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

*Mức 1:*

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

*Mức 3:*

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có cây xanh bóng mát, sạch, đáp ứng được nhu cầu hoạt động học tập và vui chơi cho học sinh tiểu học. Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ bảo đảm an toàn. Bên cạnh đó, nhà trường còn trang trí thêm các hình ảnh tuyên truyền. .

b) Cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học.

c) Trường có sân chơi rộng 150 m2, chiếm 24,2% so với diện tích toàn trường, sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh. Sân chơi bằng phẳng và sạch đẹp.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình là 291 m2, chiếm tỷ lệ 70,6% so với diện tích toàn trường. Diện tích sân chơi là 150 m2 chiếm 24,2% so với diện tích toàn trường. Diện tích sân chơi trên mỗi m2 của một học sinh là 2,23 m2 chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6 m2/học sinh đối với khu vực thành phố. So với mục 4.2.3 của tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học, diện tích khuôn viên, sân chơi chưa đảm bảo theo quy định.

b) Tuy diện tích sân chơi, sân tập còn bị hạn chế nhưng trường vẫn đảm bảo cho học sinh có chỗ để luyện tập và vui chơi thường xuyên và đạt hiệu quả.

Mức 3:

Chất lượng sân tập, sân chơi được nhà trường chú ý để đảm bảo an toàn cho học sinh. Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây xanh nhưng chưa có đồ chơi và thiết bị vận động.

**2. Điểm mạnh**

- Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có trang trí cây cảnh và cảnh quan môi trường tốt; cổng trường khang trang đúng quy định.

- Sân trường sạch, an toàn.

**3. Điểm yếu**

Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng với quy định 6m2/ học sinh toàn trường, chưa có sân riêng dành cho tập thể dục thể thao.

Diện tích bình quân cho mỗi học sinh chưa đạt theo quy định.

Chưa có đồ chơi và thiết bị vận động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mua sắm thêm trang thiết bị vận động cho sân chơi, sân tập. | Hiệu trưởng |  | Tháng 9/2023 |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

*Mức 1:*

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

*c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

*Mức 3:*

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 5 phòng học, đủ để đảm bảo mỗi lớp đều có phòng học riêng. Mỗi phòng học được đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Nhà trường đảm bảo trang trí lớp đúng quy định như ảnh Bác, bảng 5 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm cho mỗi phòng học.

b)Trường có đầy đủ bàn, ghế rời đúng chuẩn cho học sinh ngồi học nhưng bàn ghế học sinh chưa đồng bộ về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng; Bàn có bố trí chỗ đựng đồ dùng học tập, ghế có tựa sau phù hợp với lứa tuổi học sinh. Trường chưa có bàn ghế dành riêng cho trẻ khuyết tật do học sinh khuyết tật tại trường chỉ là khuyết tật về trí tuệ, không có học sinh khuyết tật về thể hình. Bảng lớp có kích thước, màu sắc đảm bảo đúng theo quy định.

c)Mỗi phòng học đều có chú ý trang bị hệ thống đèn quạt gồm 03 quạt treo tường,1 máy lạnh, 06 cụm đèn chiếu sáng để đảm bảo điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Ngoài ra, trường còn trang bị cho mỗi lớp 01 tủ đựng hồ sơ và các thiết bị phục vụ dạy học. Lớp học đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, trang trí đảm bảo tính thẩm mỹ và thân thiện

Mức 2:

a) Nhà trường có 5 phòng học; diện tích mỗi phòng học là 24m2, bình quân là 1,6m2/học sinh. Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn 1,25 m2/học sinh và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học đảm bảo theo quy định.

b) Tủ đựng thiết bị đặt tại mỗi phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học cho giáo viên giúp giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy.

Hiện nay, nhà trường chỉ có phòng Tin học, chưa có phòng học ngoại ngữ.

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo cơ sở vật chất về phòng học, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy theo quy định Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

**3. Điểm yếu**

Diện tích một số phòng học chưa đảm bảo.

Trường chưa đáp ứng có phòng riêng biệt để dạy các nghệ thuật và ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sắp xếp, bố trí lại các phòng chức năng để đảm bảo yêu cầu, phù hợp với tình hình thực tế | Hiệu trưởng | Thông qua Hội đồng trường | Tháng 9/2023 | Không |
| Khảo sát, trang bị bàn ghế đồng bộ | Phó hiệu trưởng | Không | Tháng 8/2023 | 20 triệu |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

*Mức 1:*

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính-quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính-quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính- quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

*Mức 3:*

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường xây dựng đủ các phòng phục vụ hoạt động giáo dục như phòng tin học, phòng thư viện, phòng thiết bị.

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có: Văn phòng 16 m2, phòng y tế 16 m2. Diện tích các phòng trên tuy chưa đảm bảo theo quy định nhưng cũng đáp ứng các yêu cầu về hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường. Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý; phòng giáo viên được sử dụng chung với văn phòng, các buổi hội họp nhà trường thường sắp xếp vào cuối giờ học.

c) Nhà trường thuê bãi đổ xe gần trường dành cho giáo viên, nhân viên, không có nơi để xe cho học sinh vì là học sinh tiểu học nên học sinh được bố mẹ đưa đón. Khu để xe an toàn, bảo vệ thực hiện tốt việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị được xây dựng đúng theo quy định. Tuy nhiên, phòng tin học chưa được trang bị đủ máy tính nên việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có phần hạn chế. Khu tiếp nhận các suất ăn công nghiệp đảm bảo an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường chưa có nhà ăn, nhà nghỉ riêng biệt cho học sinh bán trú.

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ tại phòng hành chính.

Mức 3:

Trường chú ý đến yếu tố hợp lí, khoa học trong việc sắp xếp các phòng  
làm việc, phòng học. Đồng thời, trường đảm bảo trang bị đầy đủ các thiết bị như bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ, máy tính, máy in, máy photocopy nhằm phục vụ các công tác tại trường và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý.

**3. Điểm yếu**

- Diện tích khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chánh – quản trị chưa đảm bảo theo quy định.

- Phòng tin học nhỏ, chưa trang bị đầy đủ máy vi tính.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục rà soát, lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa, thay thế trang thiết bị bị hư hỏng | Nhân viên thiết bị | Hiệu trưởng duyệt | Tháng 8/2023 |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt.

***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

*Mức 1:*

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2:*

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 1 khu vệ sinh riêng cho giáo viên, có 2 khu vệ sinh riêng cho học sinh (2 nam, 2 nữ) theo đúng quy cách đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Nhà vệ sinh được đặt tại mỗi tầng 1 khu phù hợp với cảnh quan của trường; an toàn, thuận tiện và luôn đảm bảo sạch sẽ..

b) Hệ thống thoát nước của trường luôn thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty cấp nước Thành phố cung cấp; sử dụng nước uống của Công ty nước Quỳnh Liêm, đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hàng ngày, đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Mỗi phòng học, phòng làm việc và sân trường đều bố trí các sọt đựng rác có nắp đậy. Vị trí thu gom, xử lý, vận chuyển rác chung của toàn trường được bố trí cách biệt với các khu vực khác tuy nhiên chưa được che chắn riêng biệt. Rác được phân loại rác tái chế, rác hữu cơ và được thu gom được xử lý hàng ngày.

Mức 2:

a) Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 16 m2 đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh. Đồng thời, các yêu cầu khác về số lượng hố xí, chậu tiểu, bồn rửa cũng đảm bảo với yêu cầu.

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước máy của công ty cấp nước Gia Định. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định.

**2. Điểm mạnh**

Trường có khu vệ sinh riêng biệt cho giáo viên và học sinh, chia khu riêng biệt cho nam và nữ.

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục kiểm tra hệ thống nước, nhà vệ sinh, khu vực thu gom rác | Phó hiệu trưởng, bảo vệ | Không | Định kì 01 lần/tháng | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

*Mức 1:*

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng như: máy tính kết nối mạng internet, máy in, máy photo, hệ thống âm thanh phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý nhà trường.

b) Phòng thiết bị với đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định. Bộ đồ dùng dạy học được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hằng năm, vào tháng 5 và tháng 12, trường thực hiện việc kiểm kê, nâng cấp, sửa chữa, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được nhà trường kết nối mạng Internet là 02 máy nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý.

b) Nhà trường đã trang bị các thiết bị dạy học theo danh mục, đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định: tranh ảnh, dụng cụ, băng đĩa, bảng nhóm, tủ, bảng phụ, ti vi, máy chiếu, máy vi tính, các dụng cụ cắt, khâu, thêu, bộ lắp ghép, tranh ảnh, lược đồ, bản đồ, tranh quy trình gấp hình, làm đồ chơi đơn giản...

c) Nhân viên thiết bị thường xuyên thực hiện việc kiểm kê, đánh giá tình trạng sử dụng thiết bị; đề xuất với hiệu trưởng về việc mua sắm, bổ sung trang thiết bị, phương tiện dạy học nhằm đảm bảo hoạt động của trường. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học và huy động 100% giáo viên tham gia. Nhiều đồ dùng có chất lượng cao và sử dụng hiệu quả trong giảng dạy.

Mức 3:

Giáo viên đã vận dụng tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy thay cho việc sử dụng đồ dùng dạy học thông thường; giáo viên thường xuyên tự làm, tự sáng tạo các đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh, theo hướng trải nghiệm, sáng tạo góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Tuy nhiên, thiết bị dạy học chưa phong phú về loại, chưa đáp ứng nhu cầu của nhiều giáo viên cùng một lúc.

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp và tích cực làm đồ dùng dạy học. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Thiết bị dạy học chưa phong phú về loại, chưa đáp ứng nhu cầu của nhiều giáo viên cùng một lúc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thường xuyên kiểm tra thiết bị. Mua sắm, bổ sung các thiết bị theo yêu cầu của GV. | Phó hiệu trưởng và nhân viên thư viện - thiết bị |  | Hàng tháng |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

*Mức 1:*

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các sách tham khảo.*

*Mức 2:*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

*Mức 3:*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện được nhà trường chú ý bố trí, trang bị các đầu sách nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện có tủ sách đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi, bản đồ, tranh ảnh, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu. Trường còn có thư viện di động tại sảnh sân trường, kệ sách mini tại các lớp. Tất cả các loại sách báo, tài liệu trong thư viện được đăng ký, mô tả, phân loại, tổ chức mục lục, sắp xếp theo đúng nghiệp vụ thư viện.

b) Thư viện mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**2. Điểm mạnh**

Thư viện trường được có đầy đủ các loại sách tham khảo giúp ích nhiều cho giáo viên trong công tác soạn giảng, nghiên cứu.

**3. Điểm yếu**

Thư viện có diện tích nhỏ, chưa đạt chuẩn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phát động phong trào “Tủ sách học đường”, vận động học sinh đóng góp tự nguyện sách, báo, truyện cũ cho thư viện. | Liên đội, Giáo viên chủ nhiệm, nhân viên thư viện | Thống nhất trong Hội đồng sư phạm | Tháng 9/2023 | Không |
| Giới thiệu các tác phẩm văn học, truyện lịch sử, danh nhân Việt Nam | Nhân viên thư viện | Không | Tuần đầu tiên của mỗi tháng từ tháng 9/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý.

- Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ riêng biệt, thu gom rác, an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp và tích cực làm đồ dùng dạy học. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng với nhu cầu học sinh toàn trường, chưa có sân riêng dành cho tập thể dục thể thao.

- Diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định.

- Diện tích các phòng phục vụ học tập, hành chính – quản trị chưa đảm bảo theo quy định, chưa có phòng Hiệu trưởng, Hiệu phó.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 06/06

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện Cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 12; phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân, các đoàn thể Phường 12 quận Bình Thạnh tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu năm học.

- Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

b) Ban đại diện Cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học như kế hoạch tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh, kế hoạch phối hợp tổ chức ngày 20/11,.... Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động.

c) Ban đại diện tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kì mỗi năm 3 lần với lãnh đạo nhà trường, với cha mẹ học sinh các lớp: đầu năm để triển khai kế hoạch, cuối học kì 1 để sơ kết và cuối năm học để tổng kết. Kế hoạch hoạt động hằng năm thường xuyên quan tâm, chăm lo đến các hoạt động chăm sóc và giáo dục học sinh, tạo điều kiện cho các học sinh tham gia tốt các phong trào Đoàn – Đội, hỗ trợ kinh phí khen thưởng cho học sinh có thành tích tốt trong học tập và phong trào, hỗ trợ kinh phí cho học sinh tham gia các hội thi như thi văn nghệ, Hội khỏe Phù Đổng, vở sạch chữ đẹp, Nét vẽ xanh... Các nội dung trong kế hoạch đã được thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ.

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; huy động, vận động học sinh tích cực học tập, vận động học sinh bỏ học đến lớp. Các hoạt động do Ban đại diện Cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung.

Mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, với chính quyền địa phương nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sư phạm lành mạnh, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở một số lớp còn chưa hoạt động đều tay nên còn ảnh hưởng đền hiệu quả phối hợp trong công tác chung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục triển khai sâu rộng các hoạt động trọng tâm của lớp, trường đến từng cha mẹ học sinh bằng các phương tiện thông tin liên lạc nhằm thu hút phụ huynh chủ động tham gia vào các hoạt động của trường. | Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, giáo viên chủ nhiệm lớp | Phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh lớp | Tháng 9/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường luôn tham mưu với chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Hàng tháng, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo, trao đổi về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Ủy ban nhân dân Phường 12.

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động tham mưu với chính quyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục và phát triển nhà trường

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, chỉ mới phối hợp với công an phường đăng ký nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục phối hợp giữa nhà trường với chính quyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương. | Hiệu trưởng | Có sự thống nhất với các lực lượng giáo dục khác | Trong năm học 2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất.

**Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, mới chỉ phối hợp với công an phường đăng ký nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 02/02

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:**

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo chương trình và kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Các hoạt động giáo dục trên lớp luôn được quan tâm kết hợp với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh phản ánh đúng mục tiêu giáo dục. Nhà trường còn tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khoẻ cho học sinh qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và được dạy lồng ghép qua các buổi học chính khoá. Chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng cao. Nhà trường quan tâm đến giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, đảm bảo thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch; ngoài giáo dục về văn hóa, nhà trường chú trọng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, thể dục đầu giờ, giúp học sinh có cơ hội để phát triển toàn diện bản thân.

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được giải trình, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt.

Mức 2:

a) Trường luôn cập nhật và triển khai các thông tin mới của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện thông qua các buổi họp, cổng thông tin, bảng tin của nhà trường.

b) Nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai các kế hoạch hoạt động trong phòng Hội đồng, trong buổi họp Hội đồng sư phạm để giáo viên theo dõi; các kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai trên trang web của trường để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh biết và cùng phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

**3. Điểm yếu**

Có 1 số phụ huynh ít quan tâm đến các thông tin về những kế hoạch giáo dục của nhà trường trên trang web.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Duy trì việc phổ biến trên các phương tiện thông tin nội dung kế hoạch, chương trình hoạt động cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nắm và cùng nhà trường phối hợp thực hiện | Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên văn thư | Không | Trong suốt năm học  2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

*Mức 1:*

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

*Mức 2:*

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

*Mức 3:*

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học. Năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với các lớp 1,2,3,4; chương trình giáo dục hiện hành đối với lớp 5. Giáo viên dạy đủ các môn học, không bỏ tiết, bỏ bài, dạy đúng chương trình, kế hoạch; Các hoạt động giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các đoàn thể trong nhà trường cùng phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo môi trường hoạt động tập thể vui chơi lành mạnh và bổ ích cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với ngành giáo dục, địa phương và cha mẹ học sinh.

b) Giáo viên biết sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp dạy học cá thể hóa, kĩ thuật dạy học hợp tác, phương pháp bàn tay nặn bột, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

c) Nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và thông tư thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhận xét hằng tháng, nhận xét định kỳ giữa học kỳ và cuối học kỳ đúng quy định trên hệ thống cổng thông tin điện tử.

Mức 2:

a) Trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch dạy học trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và thời lượng dạy học; linh hoạt xây dựng các nội dung tích hợp vào kế hoạch bài dạy. Chủ động giao quyền cho giáo viên trong việc cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế từng khối lớp, đảm bảo theo yêu cầu giáo dục học sinh tiểu học và những nhiệm vụ quy định trong chương trình tiểu học; từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

b) Nhà trường có kế hoạch, đề ra các biện pháp nhằm kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Bên cạnh đó, trường thường xuyên chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm chú ý theo dõi, quan sát phát hiện học sinh yếu kém để kịp thời phụ đạo, bồi dưỡng học sinh; thường xuyên trao đổi với cha mẹ học sinh về tình hình học tập của học sinh để có biện pháp giáo dục kịp thời.

Mức 3:

Trong các buổi họp Hội đồng sư phạm định kì, nhà trường thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện, phát hiện những hạn chế còn tồn tại cũng như nguyên nhân để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

**3. Điểm yếu**

Chương trình mới nên GV mới đầu vừa học, vừa giảng dạy có đôi chỗ còn khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Trao đổi, động viên giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy | Phó hiệu trưởng, giáo viên | Không | Từ năm học  2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

*Mức 2:*

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

*Mức 3:*

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng và đảm bảo thực hiện theo kế hoạch các hoạt động giáo dục, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm nhằm tạo điều kiện cho học sinh được phát triển toàn diện.

- Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể.

b) Trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh và phù hợp với điều kiện nhà trường theo từng chủ điểm như: khoa học vui, múa dân vũ, giáo dục sức khỏe, văn nghệ, vẽ tranh, tham quan Bến Nhà Rồng, thăm trại trẻ mồ côi,...

c) Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, để đảm bảo việc tham gia của học sinh.

Mức 2:

Qua các hoạt động, học sinh được tạo cơ hội rèn luyện nhằm hình thành kĩ năng cho bản thân. Các hoạt động do trường tổ chức đem lại nhiều hiệu quả giúp học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp.

Mức 3:

Nhà trường chú ý đến nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động nhằm thu hút sự tham gia, rèn luyện của học sinh; từ đó phát huy năng lực, sở trường của học sinh. Trường thành lập và duy trì các câu lạc bộ khoa học, Toán học để học sinh tham gia rèn luyện.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

**3. Điểm yếu**

- Số lượng học sinh tham gia sinh hoạt ngoài nhà trường chỉ đạt 60 %.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục duy trì hoạt động các câu lạc bộ. | Hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Không | Trong năm học | Không |
| Trao đổi với cha mẹ học sinh vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện. | Giáo viên chủ nhiệm | Không | Từ năm học  2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

*Mức 1:*

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

*Mức 2:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

*Mức 3:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, tuyên truyền cha mẹ đưa con ra lớp.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường tham gia và thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường";

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục trên cơ sở số liệu, thông tin nắm được tại địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học ở trường | Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh |  | Trong năm học  2023-2024 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Dạt mức 1

***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

*Mức 1:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

*c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 100% (từ năm học 2017-2018 thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và năm 2020-2021 thực hiện thêm thông tư 27/2020/TT-BGDĐT).

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

b) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

c) Từ năm học 2017-2018 đến nay, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi tại trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt 100% .

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 100% .

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100% .

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt100%.

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục kế hoạch dự giờ, thăm lớp | Phó hiệu trưởng | Không | Tháng 10/2023 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

- Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh; thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

- Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Các hoạt động tham quan ngoại khóa ngoài nhà trường số lượng học sinh tham gia chưa đầy đủ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 05/05

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 0/05

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

*-* Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 26/27 Tỷ lệ: 96,2%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 1/27 Tỷ lệ: 3,7%

*-* Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 04/27 Tỷ lệ: 14,8%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 23/27 Tỷ lệ: 85,1%

*-* Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 0/19 Tỷ lệ: 00%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 19/19 Tỷ lệ: 100%

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái, quận Bình Thạnh: Không đạt.

Căn cứ Điều 34, Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Ngôi Nhà Thông Thái, quận Bình Thạnh đề nghị không đạt kiểm định chất lượng giáo dục./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Bình Thạnh, ngày 01 tháng 12 năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Hải Thoại** |

**Phần IV PHỤ LỤC**

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| **Tiêu chí** | **SốTT** | **Mã**  **minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú (Nơi lưu trữ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí 1.1** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | [H1-1.1-01] | Báo cáo tổng kết năm học | Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 | Năm học 2021 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch năm học | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** |  |  |  |  |  |  |
| 2 | [H1-1.2-04] | Biên bản họp của Hội đồng trường | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hội đồng trường | Thư kí Hội đồng trường |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội | Năm học 2022-2023 | Hội đồng Đội quận Bình Thạnh | Tổng phụ trách |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hình ảnh hoạt động của Liên đội | Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Liên đội | Tổng phụ trách Đội |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng  Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng | Tháng 07 năm 2020  Tháng năm 2023 | Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định phân công tổ chuyên môn | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.4-04] | Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên của các tổ chuyên môn | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 4 | [H1-1.4-10] | Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Danh sách học sinh toàn trường | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
| 2 | [H1-1.5-02] | Bảng tổng hợp thông tin các lớp theo từng năm học | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
|  |  |  |  |  |  |
| 4 | [H1-1.5-04] | Sổ chủ nhiệm | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Giáo viên | Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ đăng bộ | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
|  | 2 | [H1-1.6-03] | Học bạ | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Giáo viên | Nhân viên văn thư |
|  | 3 | [H1-1.6-04] | Sổ họp Hội đồng Sư phạm nhà trường | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 4 | [H1-1.6-07] | Sổ công văn đến | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
|  | 5 | [H1-1.6-08] | Sổ công văn đi | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Bảng phân công chuyên môn | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng chuyên môn |
| 2 | [H1-1.8-02] | Báo cáo Sơ kết Học kì I | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó  hiệu trưởng | Phó  hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Kế hoạch thực hiện 03 bước tự kiểm tra an toàn thực phẩm trong trường học | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó  hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó  hiệu trưởng | Phó  hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phòng cảnh sát chữa cháy quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.10-05] | Kế hoạch phòng, chống ma túy | Năm 2019  Năm 2020  Năm 2021  Năm 2022  Năm 2023 | Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| 6 | [H1-1.10-06] | Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| 7 | [H1-1.10-07] | Hồ sơ suất ăn công nghiệp | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ của Hiệu trưởng  Hồ sơ của Phó hiệu trưởng | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-05] | Giấy chứng nhận lớp cán bộ quản lý của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng | Năm 2020  Năm 2023 | Trường Đại học Sài Gòn | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Văn bằng, chứng chỉ bộ môn của giáo viên bộ môn. | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo | Nhân viên văn thư |
| 2 | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp trình độ Cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Quyết định phân công nhân sự | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.3-04] | Văn bằng của nhân viên | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | [H2-2.4-01] | Danh sách học sinh các lớp có thông tin về năm sinh | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Nhân viên văn thư |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 3.1**  **Tiêu chí 3.2** |  |  |  |  |  |  |
| 2 | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của sảnh trường | Năm 2023 | Tổng phụ trách | Hiệu trưởng |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 1 | [H3-3.2-02] | Hình ảnh lớp học | Năm 2023 | Tổng phụ trách | Tổng phụ trách |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | [H3-3.4-02] | Giấy kiểm nghiệm nước | Năm 2023 | Trung tâm YTDP quận Bình Thạnh | Nhân viên y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Phiếu thu gom rác | Năm 2023 | Công ty Dịch vụ Công Ích quận Bình Thạnh | Nhân viên kế toán |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet | Năm 2023 | Nhân viên kế toán | Nhân viên kế toán |
| 2 | [H3-3.5-02] | Danh mục thiết bị dạy họccủa nhà trường | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 3 | [H3-3.5-03] | Biên bản kiểm kê thiết bị | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| **Tiêu chí 3.6**  **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H3-3.6-01] | Danh mục các loại sách, báo, tài liệu | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 2 | [H3-3.6-02] | Sổ theo dõi việc cho mượn sách | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 3 | [H3-3.6-03] | Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hằng năm | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 1 |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Thời khóa biểu | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| 2 | [H5-5.2-02] | Hệ thống quản lý giáo dục (cổng thông tin điện tử) | Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| 3 | [H5-5.2-03] | Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu của Phó hiệu trưởng | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| **Tiêu chí 5.3** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | [H5-5.3-02] | Kế hoạch rèn kỹ năng sống | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Giáo viên  Bảo mẫu | Phó hiệu trưởng phụ trách hành chính |
| 2 | [H5-5.3-03] | Kế hoạch tháng, tuần | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.3-04] | Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| **Tiêu chí 5.4** |  |  |  |  |  |  |
|
| 1 | [H5-5.4-03] | Kế hoạch tuyển sinh | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | [H5-5.5-01] | Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh hằng năm | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |
| 2 | [H5-5.5-02] | Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp, thi lại, ở lại lớp  Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương trình lớp học | Năm học 2019-2020  Năm học 2020-2021  Năm học 2021-2022  Năm học 2022-2023  Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng  chuyên môn | Phó hiệu trưởng  chuyên môn |